

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Ngô Thị Ngọc Vân¹

Tóm tắt: Hoạt động bảo chữa của luật sư có những đặc điểm riêng, bởi những hoạt động đó xuất phát từ các công việc do luật sư tiến hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động này có những đặc điểm cơ bản như tính chuyên nghiệp, tuân thủ quy tắc đạo đức, không có khuôn mẫu, dựa vào sự nhạy bén, linh hoạt, năng động của luật sư; thể hiện tính độc lập và tự chịu trách nhiệm cá nhân trước khách hàng về hoạt động nghề nghiệp của mình; phụ thuộc vào thời điểm tham gia tố tụng và chỉ mang tính đề xuất, kiến nghị, phụ thuộc nhiều vào cơ quan tiến hành tố tụng; được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc, thủ tục luật định và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của người bào chữa.

Từ khóa: Hoạt động bảo chữa, bào chữa, luật sư, tố tụng hình sự.

Nhận bài: 25/11/2018; Hoàn thành biên tập: 21/12/2018; Duyệt đăng: 17/01/2019.

Abstract: the defending activities of lawyer have particular features because those activities come from tasks performed by lawyers in accordance with legal regulations. Those activities have basic features such as being professional, complying with code of ethics, not having form, basing on the flexibility, dynamic personality of the lawyer; expressing the independence and self-responsibility of individual before clients for his professional activity; depending on the time of joining the procedure and having characteristics of recommendation, proposal depending on different procedure-conducting agencies; being implemented basing on principles, legal procedure and legal regulations on the rights, duties of the defending person.

Keywords: defending activity, defending, lawyer, criminal procedure

Date of receipt: 25/11/2018; **Date of revision:** 21/12/2018; **Date of approval:** 17/01/2019.

Hoạt động bảo chữa của luật sư là các công việc do luật sư tiến hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm loại bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội từ phía cơ quan điều tra, viện kiểm sát hoặc người bị hại, tìm ra các căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hoạt động này phát sinh trên cơ sở quyền bảo chữa của người bị buộc tội (thông qua việc thực hiện quyền nhờ người khác bào chữa của họ). Bởi vậy, hoạt động bảo chữa của luật sư có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu trong tố tụng hình sự. Hoạt động đó được thực hiện xuyên suốt trong cả quá trình tố tụng hình sự mà không chỉ đơn thuần giới hạn ở việc bào chữa tại phiên tòa. Có thể khẳng định rằng, nếu không có hoạt động bảo chữa của luật sư thì việc tranh tụng không thể thực hiện đúng nghĩa và hoạt động này cũng có những đặc điểm cơ bản, riêng biệt.

1. Hoạt động bảo chữa của luật sư thể hiện tính chuyên nghiệp, tuân thủ quy tắc đạo đức, không có khuôn mẫu, dựa vào sự nhạy bén, linh hoạt, năng động của luật sư, thể hiện ừng xử có

văn hóa, tôn trọng người tiến hành và tham gia tố tụng và thể hiện sự tận tâm bảo vệ cho thân chủ, kiến tri thuyết phục Hội đồng xét xử nhằm bảo vệ tốt nhất cho thân chủ của mình

Nghề luật sư ở Việt Nam là một nghề cao quý, bởi hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm mục đích góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; góp phần phát triển kinh tế, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Hoạt động bảo chữa và nghề luật sư xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử, gắn liền với thiết chế của Tòa án trong tổ chức bộ máy Nhà nước và việc thừa nhận quyền được bào chữa của đương sự. Thực tiễn cho thấy, luật sư có vai trò rất lớn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và các đương sự, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử vụ án được chính xác, khách quan. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội bằng lý lẽ và các chứng cứ có sức thuyết phục. Luật sư trình bày trước Tòa án chứng cứ gỡ tội và đưa ra yêu cầu, không được bỏ qua những gì có thể giúp

¹ Tiến sỹ, Phó Trưởng Khoa Đào tạo luật sư, Học viện Tư pháp

cho việc chứng minh thân chủ vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ cũng như không thể làm xấu hơn tình trạng của họ cáo. Bên cạnh đó, luật sư có nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội không phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, giúp cho việc giải quyết vụ án hình sự khách quan, chính xác, hợp tình, hợp lý và góp phần nâng cao hiệu quả của pháp luật. Bởi vậy, luật sư bào chữa cũng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS).

Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cơ bản của nghề luật sư. Luật sư có bốn phận tự mình nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn; nêu gương trong việc tôn trọng, chấp hành pháp luật; tự giác tuân thủ các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp trong hoạt động hành nghề, trong lối sống và giao tiếp xã hội. Bởi vậy, trong hoạt động của mình, luật sư vừa phải tuân thủ các quy định của pháp luật vừa phải tuân theo các Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp. Đây chính là các quy định về những chuẩn mực đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, là thước đo phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của mỗi luật sư. Họ phải lấy Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp làm khuôn mẫu cho sự tu dưỡng, rèn luyện để giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội. Trong đời sống thường nhật, luật sư tham gia vào các quan hệ xã hội, các quan hệ nghề nghiệp, trong đó có các quan hệ tố tụng trong các vụ án hình sự. Trong các quan hệ tố tụng lại diễn ra nhiều loại quan hệ giữa các chủ thể khác như: quan hệ giữa luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quan hệ với khách hàng, với những người tham gia tố tụng khác, quan hệ với đồng nghiệp, v.v.. Với tư cách một chủ thể tham gia trong các quan hệ tố tụng, luật sư có những quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định theo quy định của pháp luật. Đó là những quyền và nghĩa vụ pháp lý luật sư phải tuân thủ và nếu vi phạm sẽ phải chịu các hình thức xử lý theo các chế tài đã được luật hóa. Tuy nhiên, trong các quan hệ nêu trên, vẫn có những trường hợp, tình huống nảy sinh trong thực tiễn giao tiếp không nằm trong phạm vi điều chỉnh của pháp luật mà thuộc phạm trù đạo đức và ứng xử nghề nghiệp phải được

điều chỉnh bằng các quy định đạo đức tương ứng. Đó là các quy định về căn cứ, chuẩn mực đã được xác định trong bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Các quy định này cũng hàm chứa các nghĩa vụ đạo đức mang tính chất cảm đoán hay bắt buộc luật sư phải tuân thủ hoặc các quy phạm mang tính chất khuyến khích luật sư áp dụng trong quá trình hành nghề cũng như trong lối sống, giao tiếp khi tham gia các quan hệ xã hội khác. Đạo đức nghề nghiệp có ý nghĩa là nguồn, là gốc, là nền tảng cơ bản của nghề luật sư. Không có đạo đức nghề nghiệp, nghề luật sư không thể tồn tại, phát triển. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân và tự chịu trách nhiệm cá nhân về uy tín nghề nghiệp của mình, với mục tiêu phụng sự công lý, tôn trọng và dựa trên pháp luật thì trước hết phải xuất phát từ một nền tảng đạo đức. Nếu không xuất phát từ nền tảng này thì luật sư khó có thể có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật khi hành nghề.

Mối quan hệ giữa luật sư với khách hàng chính là "lừa thù vàng" đối với cá nhân luật sư. Uy tín, lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp luật sư, sự tiêu cực hay không tiêu cực của luật sư đều xuất phát từ nền tảng quan hệ này và tác dụng của nó có ý nghĩa chi phối các hành vi ứng xử khác trong "tổng hòa các quan hệ xã hội" của luật sư. Sự tận tâm với khách hàng liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của luật sư đối với khách hàng như tận tâm thực hiện hết khả năng và trách nhiệm với khách hàng trong khuôn khổ pháp luật cho phép và phạm trù đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ bí mật quốc gia và bí mật của khách hàng; ngăn ngừa các thủ đoạn hành nghề không lương thiện, tự giác thực hiện các nghĩa vụ trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, giải quyết các mâu thuẫn về lợi ích, việc nhận thù lao... Đây chính là nghĩa vụ đạo đức của luật sư trong việc cung cấp dịch vụ pháp lý xuất phát từ sự tin cậy của khách hàng đối với luật sư. Chất lượng dịch vụ pháp lý tốt nhất mà luật sư cung cấp cho khách hàng được đo bằng hàm lượng chất xám của luật sư khi đầu tư vào vụ việc, sự tận tụy trong suốt quá trình thực hiện công việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Tuy nhiên, điều này được hiểu trong phạm vi trình độ, khả năng chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp luật sư, không phải là nghĩa vụ bảo đảm kết quả vụ việc theo yêu cầu của khách hàng.

Trong hoạt động của mình, luật sư phải thể hiện ứng xử có văn hóa, tôn trọng người tiến hành và



tham gia tố tụng. Việc họ phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chính là biểu hiện của yêu cầu này. Luật sư có thái độ hợp tác, lịch sự, tôn trọng những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề. Hoạt động bảo chữa của luật sư không có khuôn mẫu, dựa vào sự nhạy bén, linh hoạt, năng động. Luật sư luôn nhận thức việc tiếp xúc, trao đổi ý kiến về nghiệp vụ là cần thiết và có lợi cho khách hàng nhưng họ phải giữ tính độc lập, không bị chi phối hoặc lệ thuộc vào ý kiến khác làm ảnh hưởng tới việc xây dựng quan điểm, phương án bảo chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng. Trong thực tế, cũng không một luật sư nào chỉ vì bị chi phối hoặc lệ thuộc vào ý kiến nào đó mà tự đánh mất thiên chức và nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi cho khách hàng của mình. Thật ra, tự bản thân quan điểm bảo chữa hay tranh luận của luật sư đã bao hàm mang tính chủ quan, linh hoạt, nhưng vấn đề đặt ra là cần tránh nhận thức chủ quan, phiến diện mà dẫn đến lời nói, hành động hoặc tài liệu gửi đến cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) có những lời lẽ, nhận định mang tính chất kích động, quy chụp, kết tội người khác. Điều này cũng xảy ra trên thực tế, có thể do vị thế của luật sư đứng trên quyền lợi của khách hàng khác nhau, hoặc do thiếu kiểm chế dẫn đến quy chụp mang tính cá nhân, thoát ly khỏi nội dung tranh tụng của vụ án. Mặt khác, không phải lúc nào các quan điểm, chứng cứ pháp lý và căn cứ pháp luật có ý nghĩa quan trọng giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, đúng pháp luật của luật sư đều được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vấn đề là khi tranh luận, luật sư phải có thái độ ứng xử chuẩn mực và có văn hóa, vừa kiên trì bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình, nhưng cũng phải kịp thời điều chỉnh, ghi nhận quan điểm có căn cứ của người buộc tội hoặc ý kiến của luật sư bảo vệ cho khách hàng có quyền lợi đối lập với khách hàng của mình để tránh tình trạng bị coi là “bảo chữa bằng mọi giá”, bất chấp sự thật khách quan. Bên cạnh đó, người luật sư cần nhận thức đúng đắn về chức năng xã hội của mình. Đó là, khi hành nghề không nên lợi dụng tư cách người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật để phát biểu những lời lẽ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích xã hội, đoàn kết dân tộc, tôn giáo hoặc tuyên truyền, phổ biến những quan điểm trái pháp luật hay đạo đức xã hội. Tuy

vậy, trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện những những vi phạm pháp luật của các CQTHTT; luật sư phải kịp thời đưa ra những kiến nghị nhằm chấm dứt vi phạm đó. Bản lĩnh, phẩm chất chính trị và kỹ năng nghề nghiệp, cùng với trải nghiệm qua thực tiễn sẽ giúp cho mỗi luật sư tự điều chỉnh ranh giới sao cho hành vi của mình phù hợp với pháp luật và đạo đức.

Như vậy, chủ thể thực hiện hoạt động bảo chữa có hiệu quả nhất chính là luật sư bảo chữa. Đây cũng chính là lý do nhiều nước quy định cụ thể người bảo chữa trong tố tụng hình sự là luật sư. Việc luật sư thực hiện các công việc của mình để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị buộc tội chính là biểu hiện của hoạt động bảo chữa. Bên cạnh đó, khi luật sư phân tích, đánh giá, nhận định về các tình tiết liên quan đến vụ án, đưa ra các chứng cứ chứng minh sự không phạm tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội, đề xuất các vấn đề hợp pháp trước và tại phiên tòa xét xử... cũng tác động đến nhận thức của hội đồng xét xử về sự việc phạm tội, người đã thực hiện hành vi phạm tội... Từ đó, Hội đồng xét xử sẽ có thêm cơ sở lý luận cũng như thực tiễn để cân nhắc việc sử dụng các chứng cứ được xác minh tại tòa, xác định sự thật vụ án và ra những phán quyết chính xác, đúng người, đúng tội.

2. Hoạt động bảo chữa của luật sư còn thể hiện tính độc lập và tự chịu trách nhiệm cá nhân trước khách hàng về hoạt động nghề nghiệp của mình

Tính độc lập là cơ sở quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp của luật sư. Điều đó thể hiện ở việc luật sư hoạt động độc lập trên cơ sở pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp mà không chịu bất kỳ áp lực, cản trở nào từ bên ngoài, thậm chí từ lợi ích cá nhân luật sư. Đây chính là nét đặc thù nghề nghiệp của luật sư. Bởi lẽ, hoạt động độc lập với cơ quan nhà nước là cơ sở để luật sư bảo vệ quyền lợi của khách hàng, còn độc lập với khách hàng là cơ sở để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp của luật sư. Nghề luật sư không chỉ đòi hỏi về chuyên môn cao mà còn đòi hỏi người hành nghề phải có tư cách đạo đức tốt, luôn đặt quyền lợi của khách hàng và xã hội lên trên lợi ích của bản thân. Mục đích hoạt động của luật sư là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng trong sự phù hợp giữa lợi ích công và lợi ích cá nhân, góp phần duy trì công bằng xã hội. Trách nhiệm pháp lý của luật sư trong hoạt động nghề nghiệp được điều

chính trong các quy định của pháp luật về luật sư và văn bản khác có liên quan. Luật sư sẽ phải chịu các hình thức xử lý khi vi phạm các quy định pháp luật về hành nghề luật sư. Hoạt động bảo vệ quyền lợi cho khách hàng của luật sư là hoạt động nghề nghiệp, bởi khách hàng chính là người mang đến công việc cho luật sư. Trong quá trình hành nghề, ngoài việc tuân thủ pháp luật, luật sư còn phải tuân theo các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư như độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp của mình; luật sư không được phép có hành vi tác động trực tiếp tới quyền bào chữa của người bị buộc tội như tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; không được móc nối, quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức khác để làm trái quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc.

3. Hoạt động bào chữa của luật sư phụ thuộc vào thời điểm tham gia tố tụng và chỉ mang tính đề xuất, kiến nghị, phụ thuộc nhiều vào cơ quan tiến hành tố tụng

Về mặt lý thuyết, luật sư chỉ được thực hiện hoạt động bào chữa từ thời điểm được cơ quan tiến hành tố tụng chấp thuận là người bào chữa của người bị buộc tội. Trên thực tế, nhiều hoạt động (thao tác) nghề nghiệp đã có thể được thực hiện từ trước đó như: tiếp xúc, trao đổi với khách hàng, thu thập các thông tin ban đầu... Trong quá trình tham gia giải quyết vụ án, những kiến nghị, đề xuất của luật sư (như thay đổi biện pháp ngăn chặn, thực hiện một số hoạt động điều tra, trao đổi chứng cứ, triệu tập người làm chứng mới ...) nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thân chủ chỉ mang tính chất tham khảo đối với cơ quan, người tiến hành tố tụng. Nhiều trường hợp, họ có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận mà không cần có văn bản trả lời.

4. Hoạt động bào chữa của luật sư được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc, thủ tục luật định và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của người bào chữa

Mặc dù pháp luật cho phép luật sư được thực hiện nhiều hoạt động để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ nhưng điều đó không có nghĩa luật sư được

phép thực hiện các hoạt động bất hợp pháp. Mọi hành vi vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật của luật sư sẽ bị xử lý tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi. Chính vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự đã quy định cụ thể các nguyên tắc định hướng cho việc thực hiện hoạt động bào chữa của luật sư như nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự, xác định sự thật vụ án, bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo đảm quyền bình đẳng trước tòa án, bảo đảm quyền khiếu nại tố cáo trong tố tụng hình sự... Đồng thời, BLTTHS cũng có những quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa (bao gồm cả luật sư) để điều chỉnh hoạt động của luật sư trong quá trình tham gia giải quyết vụ án hình sự. Đó cũng là căn cứ để các luật sư tự điều chỉnh các hoạt động bào chữa của mình sao cho những hoạt động đó vẫn nằm trong khuôn khổ pháp luật hoặc không trái luật (trong trường hợp luật không quy định). Mặt khác, hoạt động bào chữa của luật sư cũng phải tuân theo trình tự tố tụng do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Bởi lẽ, BLTTHS đã quy định rất cụ thể thủ tục tiến hành các hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Ví dụ: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, BLTTHS quy định cụ thể thủ tục tố tụng tại phiên tòa như thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn này cũng phải tuân thủ các yêu cầu về thủ tục tố tụng mà BLTTHS đã quy định để đạt được mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Ví dụ: BLTTHS năm 2015 của Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự như chuẩn bị xét xử (Điều 276 - Điều 287), thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm (Điều 288 - Điều 329).

Như vậy, hoạt động bào chữa của luật sư có những đặc điểm riêng, bởi những hoạt động đó xuất phát từ các công việc do luật sư tiến hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, thu thập và đưa ra các chứng cứ, trao đổi với bị can, bị cáo, đề xuất với cơ quan tiến hành tố tụng, hỏi, tranh luận tại phiên tòa và những công việc khác nhằm loại bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội từ phía cơ quan điều tra, viện kiểm sát hoặc người bị hại, tìm ra các căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ./.